

Tiến trình  
Giải  
hoát

TÂM MINH ANH  
CHON THƯỢNG TRI



Tiến trình  
Giải  
hoát

(TÓM TẮT KINH SA-MÔN QUẢ)

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

TÂM MINH ANH – CHƠN THƯỜNG TRI

# TIẾN TRÌNH GIẢI THOÁT

*(Tóm Tắt Kinh Sa-Môn Quả)*

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

2007

# MỤC LỤC

LỜI DÂNG.....	2
LỜI GIỚI THIỆU.....	2
LỜI TRÌNH BẠCH .....	4
Phần I: DẪN NHẬP .....	5
Phần II: TÓM TẮT TRÌNH TỰ TU HỌC ..	9
Phần III: Phụ lục KINH SA-MÔN QUẢ, TRƯỜNG BỘ .....	18



## LỜI DÂNG

CHÚNG CON THÀNH KÍNH CÚI ĐẦU  
ĐẢNH LỄ TAM BẢO: PHẬT-PHÁP-TĂNG

Chúng con thành tâm đảnh lễ Hòa thượng  
Thích Minh Châu và Ban biên dịch Đại Tạng  
Kinh Việt Nam, những người đã mang đến cho  
độc giả Việt Nam một kho tàng Pháp bảo của  
Đạo Giải Thoát.

Chúng con cúi đầu tri ân đến Cha Mẹ, Thầy  
Tổ, những người đã cho chúng con sự hiện diện  
và niềm tin Phật pháp hôm nay.

## LỜI GIỚI THIỆU

Quý độc giả đang cầm trên tay mình  
một cẩm nang tu đạo giác ngộ, rất căn bản và  
hữu ích, do Phật tử Tâm Minh Anh – Chơn  
Thường Tri nỗ lực thực hiện, căn cứ vào Kinh  
Sa-môn quả (*Sàmaññaphalasuttanta*), bản kinh  
thứ hai của tuyển tập Trường Bộ  
(*Dīghanikāya*) thuộc văn hệ Pàli.

Kinh Sa-môn quả là một trong những  
bản kinh quan trọng của Phật giáo bởi nó chứa  
đựng và mô tả rất chi tiết tiến trình tu chứng  
của đạo Phật thông qua việc nuôi dưỡng giới  
đức, trưởng dưỡng tâm đức và phát triển tuệ  
đức, bên cạnh một vài thông tin khác liên quan  
đến bối cảnh các hoạt động của xã hội Ấn Độ  
đương thời. Bản kinh do Đức Thế Tôn thuyết  
giảng cho vua A Xà Thế (*Ajātasattu*) dưới hình  
thức biệt thuyết, nêu rõ kết quả thiết thực của  
hạnh Sa-môn hay đường lối tu tập rất truyền  
thống của Phật giáo. Một cách tuần tự, các  
bước thực hành của đạo Phật lần lượt được làm  
sáng tỏ qua sự trình bày rất chi tiết và minh  
bạch của Bạc Đại Giác, đi kèm với các ảnh dụ  
minh họa lợi ích thiết thực của từng bước tu

tập. Đọc bản kinh, chúng ta có thể thấy rất rõ tiến trình tu tập hướng đến mục tiêu giải thoát của đạo Phật, đồng thời hình dung được các giá trị hạnh phúc an lạc lớn do sự thực hành Phật pháp đem lại.

Phật pháp là con đường hạnh phúc an lạc dành cho mọi người. Mỗi bước đi của sự hành trì Phật pháp là mỗi bước đi của sự thực nghiệm hạnh phúc an lạc, rời xa khổ đau, mà bất cứ ai dốc tâm thực hành thì đều cảm nhận được, ngay trong giây phút hiện tại, trong từng sát-na tu tập. Do đó, dù đề cập phương pháp đào luyện và nhấn mạnh mục tiêu của Sa-môn hạnh hay nếp sống tu sĩ Phật giáo, bài kinh rất hữu ích cho việc học hỏi và hành trì của người cư sĩ.

Phật tử Tâm Minh Anh – Chơn Thường Tri đã học kỹ bản kinh và đã nỗ lực trình bày rất khúc chiết tiến trình giải thoát như được mô tả trong bài kinh. Cùng với phần dẫn luận khá rõ ràng và thuyết phục, cộng thêm phần phụ lục trích nguyên văn bản kinh, công trình này xứng đáng được xem là một nỗ lực nghiên cứu khoa học khiêm tốn về Phật pháp.

Chúng tôi rất hoan hỷ về công trình này và có lời tán thán Phật tử Tâm Minh Anh – Chơn Thường Tri trong việc nỗ lực học tập, nghiên cứu kinh Phật với một tâm nguyện mong muốn được chia sẻ với người khác sự hiểu biết và lợi ích của Phật pháp. Tâm nguyện và nỗ lực này xứng đáng được nuôi dưỡng, khuyến khích và phát huy thường xuyên trong thế giới những người con Phật vì lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho số đông.

Xin có đôi lời giới thiệu công trình Phật học này đến quý Phật tử và quý độc giả.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2007

**Tỷ-kheo THÍCH MINH CHÂU**

Viện trưởng

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

## ***LỜI TRÌNH BẠCH***

Sau một thời gian may mắn được học tập Phật pháp và nhận ra lợi ích thiết thực của Kinh Sa Môn Quả, chúng tôi vô cùng vui mừng vì nhận thấy con đường tu học của mình giờ đây đã hiện rõ trước mắt. Với tâm chân thành tha thiết cầu mong cho tất cả các bạn đạo đều có được sự hiểu biết rõ ràng rành mạch về đạo lộ tu học, chúng tôi mạo muội xin được tóm tắt lại một cách ngắn gọn về tiến trình giải thoát đã được Bạc Toàn Giác giảng dạy rõ ràng chi tiết trong Kinh Sa Môn Quả, với hy vọng chúng ta có được một cái nhìn tổng quát về tiến trình tu học của tự thân.

Chúng tôi đã cẩn trình bài tóm tắt của mình lên Trưởng lão Hoà thượng Thích Minh Châu và cầu xin sự chỉ giáo của Ngài. May mắn cho chúng tôi đã được Ngài thương tưởng ân cần chỉ dạy và ban cho mấy lời giới thiệu khuyến khích. Chúng tôi đón nhận những giáo huấn của Ngài với tất cả tấm lòng biết ơn vô hạn và không quên tự nhắc nhở mình nỗ lực

tiến tu hơn nữa để tỏ lòng tôn kính và nhớ ân Ngài.

Với tâm nguyện tha thiết cầu mong chánh pháp mãi mãi được lưu truyền, mong cho các bạn tiếp nhận được ngọn đèn chánh trí của Bạc Toàn Giác, chúng tôi nguyện ấn tống tập sách này và chân thành cầu chúc các bạn có được một trí tuệ hiểu biết chân chánh rõ ràng và một quyết tâm đi cho đến tận cùng con đường của Bạc Chánh Đăng Giác.

Chúng tôi thành tâm hồi hướng công đức ấn tống bản tóm tắt Kinh Sa Môn Quả này đến tất cả các loài chúng sanh, đến các bạn đạo, đến toàn thể gia đình quý đạo hữu đã góp phần công đức ấn tống, đến những người đang cầm trên tay mình tập sách này. Xin nguyện cho tất cả đều được thân an, tâm lạc, thông hiểu chánh pháp, chứng Đạo Giải Thoát.

Pháp quốc, ngày 10/08/2007

***TÂM MINH ANH – CHƠN THƯỜNG TRI***

*Trân trọng kính ghi*

***Phần I:***  
***DẪN NHẬP***

Tiến trình thực tu đạo giải thoát đã được Thế Tôn, Bạc Chánh Đẳng Giác, chỉ bày rất rõ ràng chi tiết trong mỗi mỗi bài pháp của Ngài. Một hành giả nếu muốn thực chứng đạo giải thoát của Đức Thế Tôn thì nhất định phải thực hiện việc hành trì theo đúng trình tự đã được Thế Tôn chỉ dạy trong các bản kinh. Hành giả không được bỏ qua bất cứ một chi tiết nhỏ, một giai đoạn nhỏ nào của kinh bởi vì các trình tự hành trì này đã được Bạc Chánh Giác nói ra với trí tuệ thực chứng của Ngài. Tiến trình giải thoát luôn phải được thực hành theo đúng trình tự mà Bạc Toàn Giác đã chỉ dạy thì kết quả mới được tương ứng. Nếu bỏ qua một giai đoạn nào hoặc một chi tiết nào thì ta không thể nào đi cho đến tận cùng con đường này được.

Trong số hàng ngàn bài kinh Phật được truyền lại cho chúng ta ngày nay, Kinh Sa-môn quả, Trường Bộ, là một bản kinh ghi chép trọn

vẹn tiến trình tu chứng đạo giác ngộ của Đức Thế Tôn, Bạc Chánh Đẳng Giác. Ngoài phần duyên khởi, toàn bộ nội dung bài kinh là phần mô tả chi tiết các bước đi của đạo lộ giải thoát. Vậy, kính mong hành giả xem xét thật kỹ cách thực hành tiến trình này ở trong bản kinh.

Phần đầu của bài kinh là phần vua A Xà Thế kể lại cho Đức Phật nghe về việc vua đã đi hỏi các vị ngoại đạo khác về kết quả của người tu đạo là gì và các vị ngoại đạo ấy đã trả lời ra sao, nhưng vua A Xà Thế đã cảm thấy không hài lòng về những câu trả lời ấy. Giờ đây vua đến chiêm bái Đức Thế Tôn và xin được nghe Đức Thế Tôn trả lời về câu hỏi này. Trong phần đầu này, quý độc giả có thể đọc qua để có khái niệm về nhận thức và quan điểm khác biệt của các ngoại đạo ra sao. Phần thứ hai là phần Đức Thế Tôn trả lời về kết quả của một người tu học theo giới luật và theo sự hướng dẫn trình tự của Ngài thì người ấy sẽ có được những kết quả an lạc, kết quả trí tuệ và kết quả giải thoát như thế nào. Trong phần thứ hai này, xin hành giả hãy đọc cẩn thận thật kỹ, đọc từng chữ, từng lời, đừng bỏ qua một chữ, một lời nào cả, vì một Bạc Toàn Giác thì



không bao giờ nói dư hoặc nói thừa một lời nào, tất cả các lời nói của Ngài đều hoàn toàn có giá trị và hữu ích cho việc chiêm nghiệm và thực hành tiến trình giải thoát của hành giả.

Giữ giới luật, câu thúc lục căn, chánh niệm tỉnh giác và tri túc là bốn chánh hạnh đầu tiên của người tu học, là bốn hạnh chân chánh trước nhất phải làm của người muốn đi trên con đường giải thoát của Bạc Toàn Giác. Người thế gian, thông qua bốn chánh hạnh này mà nhận biết được đây chính thực là một vị đệ tử thật sự của Bạc Toàn Giác, một vị có một phong cách oai nghi giới hạnh rõ ràng so với những người đang còn chìm đắm trong vòng danh sắc.

Cho nên, gìn giữ giới luật là việc làm đầu tiên và quan trọng nhất của người tu học mà Bạc Giác Ngộ đã nhìn thấy và đã tuyên thuyết rằng đó là việc làm đầu tiên của những ai muốn đi theo con đường tu học giáo pháp giải thoát của Ngài. Chỉ khi nào hành giả đã gìn giữ thân tâm mình ở trong giới luật này rồi thì hành giả mới có thể tiếp tục thực hành việc hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác và tri túc.

Xin đừng bao giờ xem thường bước đi đầu tiên của người tu học, đó là giữ giới luật, vì giới luật là nền tảng, là ranh giới, là hàng rào bảo vệ thân và tâm. Giới luật là vị thần hộ pháp che chở tốt nhất, là người bạn đạo thân nhất của người tu học. Giới luật là ngôi chùa yên tịnh nhất, là tấm áo cà sa đẹp nhất, là thức ăn bổ dưỡng nhất cho sự thăng tiến tuệ giác giải thoát của người tu học.

Khi một người tu hành khoác lên thân mình chiếc cà sa của giới luật, làm bạn cùng giới luật, ở trong ngôi nhà của giới luật và nuôi thân này bằng việc hành trì giới luật, thì người ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không cảm thấy sợ hãi, xấu hổ, mờ ám, tà niệm từ một chỗ nào trong thân và tâm, nên thân và tâm người ấy hưởng được an lạc, nội tâm không bị u ám, vẫn đục. Với một nội tâm không u ám vẫn đục như vậy thì người ấy mới có khả năng tiến hành các bước thanh lọc tâm cao hơn.

Xin đừng bỏ qua những ví dụ đã được Đức Thế Tôn nói đến trong bài kinh, vì Bạc Toàn Giác, với trí tuệ viên mãn sáng suốt của mình, đã sử dụng những ví dụ này để làm sáng tỏ nghĩa lý thâm thúy của đạo giải thoát cho

người nghe. Vì vậy hành giả có thể nương theo những ví dụ ấy để nhận hiểu, thâm nhập và thực hành một cách chính xác những chỉ dẫn trong kinh.

Tiến trình giải thoát thật rõ ràng và trình tự theo từng lời dạy của Đức Thế Tôn:

**Giai đoạn một: *Xây dựng Giới-luật, Chánh-hạnh, Oai-nghi.*** Đầu tiên, hành giả phải xây dựng một ranh giới thật an toàn và vững chắc cho thân và tâm của mình bằng cách thọ trì đầy đủ các giới luật, câu thúc lục căn, chánh niệm tỉnh giác và tri túc. Bốn đức hạnh chân chánh này sẽ giúp cho thân tâm hành giả không bị hắc ám trước các sắc tướng của thế gian, hưởng được lạc thọ, nội tâm không bị vẩn đục. Khi nội tâm không bị vẩn đục thì hành giả mới có thể an lạc ngồi thực hành thiền quán để thanh lọc năm thứ si ám còn ẩn dật bên trong tâm.

**Giai đoạn hai: *Thanh lọc Tâm.*** Hành giả dùng trí tuệ thiền quán để tháo gỡ năm thứ si ám trói buộc tâm là tham, sân, hôn trầm thụy miên, tráo hối, nghi hoặc. Với tâm đã được

thanh lọc này, hành giả tiến hành giai đoạn thứ ba.

**Giai đoạn ba: *Ổn định Tâm.*** Khi tâm đã được gột rửa sạch sẽ khỏi năm si ám này rồi thì bấy giờ hân hoan sanh, do hân hoan nên hỷ sanh, do tâm hoan hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên lạc thọ sanh, do lạc thọ sanh nên tâm được định tĩnh. Khi tâm đã được thanh lọc sạch, hành giả lần lượt đi qua bốn trạng thái chuyển biến của tâm, đây là bốn trạng thái tu chứng thiền định, gọi là chứng Tứ thiền, gồm:

- Chứng và trú thiền thứ nhất: trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm, với tứ. Đây là trạng thái thân có an lạc, tâm có hỷ vui do hành giả nhận biết mình vừa ly được tham dục.

- Chứng và trú thiền thứ hai: trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Đây là trạng thái thân có an lạc, tâm có hỷ vui do tâm an định sanh ra, không còn tầm và tứ.

- Chứng và trú thiền thứ ba: trạng thái lạc thọ không có hỷ. Tức là hành giả ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ

mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú . Ly hỷ là xả ly cảm thọ vui trong tâm, chỉ còn giữ một tâm tỉnh giác để nhận biết là thân vẫn còn cảm sự lạc thọ.

- Chứng và trú thiền thứ tư: trạng thái không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Hành giả xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước. Tức là hành giả buông xả mọi cảm thọ vui buồn còn trong thân tâm, bây giờ toàn thân hành giả thấm nhuần một tâm thuần tịnh trong sáng. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, hành giả dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí và chánh kiến theo trình tự trong giai đoạn bốn.

**Giai đoạn bốn : *Phân biệt tâm và thân***. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, hành giả dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí và chánh kiến, vị ấy biết: thân này của ta là sắc pháp, do nhân duyên tạo thành, nên vô thường, biến hoại và hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc. Sự nhận biết chân

thật và rõ ràng về thân và tâm này đã giải thoát tâm ra khỏi sự nương tựa và trói buộc của thân sắc pháp này. Đồng thời, do nhờ trí nhận biết thân này của ta là do sắc pháp, do bốn đại thành, ta trở lại vận dụng sắc pháp và bốn đại để tạo thêm một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một bộ phận nào.

**Giai đoạn năm : *Thực chứng sáu trí tuệ siêu việt của bậc Thánh và giải thoát***

Thần thông: chứng được các loại thần thông.

Thiên nhĩ thông: với thiên nhĩ thanh tịnh, siêu nhân, hành giả có thể nghe được hai thứ tiếng của chư Thiên và loài Người, xa và gần.

Tha tâm thông: hiểu được tâm của chúng sanh, của loài người.

Túc mạng minh: nhớ về các đời sống quá khứ với các chi tiết rõ ràng.

Thiên nhãn minh: với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, hành giả thấy các chúng sanh

với các hành nghiệp gì sẽ theo các đường tái sanh tương ứng.

Lậu tận trí: thực chứng Tứ diệu đế, nhờ hiểu biết này, tâm của hành giả không còn tham muốn, nắm giữ, cố chấp si mê. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, bậc Trí khởi lên sự hiểu biết : ***“Ta đã giải thoát. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa.”***

Cùng với hành trang mang theo là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo và một tâm kiên quyết hành trì giới luật, câu thúc lục căn, chánh niệm tỉnh giác và tri túc, con đường giải thoát giờ đây đã rõ ràng trước mắt, chỉ còn chờ hành giả đặt bước chân đi.

## Phần II:

### TÓM TẮT TRÌNH TỰ TU HỌC

***Giai đoạn1: Xây dựng Giới-luật, Chánh-hạnh, Oai-nghi là xây dựng hàng rào an toàn cho thân và tâm.***

Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng, người ấy suy nghĩ : ***“Đời sống gia đình đầy những phiền phược, con đường đầy những bụi trần. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.”*** Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc

nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc.

### ***Thế nào là vị Tỷ-kheo có giới hạnh cụ túc ?***

1. Không sát sanh. Vị Tỷ-kheo tránh xa sát sanh, biết hổ thẹn và hối hận, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.
2. Không tham lam. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không trộm cướp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

3. Không tà hạnh trong các dục. Vị ấy từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.
4. Không nói láo. Vị ấy từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, chỉ nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn đáng tin cậy, không phản lại lời hứa đối với đời. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.
5. Không nói hai lưỡi. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này không đến chỗ kia nói để gây chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để gây chia rẽ ở những người kia. Như vậy vị ấy sống hoà hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, chỉ nói lời hòa hợp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.
6. Không nói lời độc ác. Vị ấy từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa lời nói độc ác, vị ấy nói

những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

7. Không nói phù phiếm. Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lí, mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.
8. Không biện luận, tranh chấp.
9. Không làm môi giới, đưa chuyện hai bên.
10. Không nói lời lừa đảo, xiểm nịnh.
11. Không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ.
12. Dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời.
13. Không xem ca nhạc, múa hát, phim kịch.

14. Không cất chứa đồ vật, đồ ăn.
15. Từ bỏ đánh bài và các loại giải trí khác.
16. Từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang.
17. Từ bỏ dùng giường cao và giường lớn.
18. Từ bỏ nhận vàng và bạc.
19. Từ bỏ nhận các hạt sống.
20. Từ bỏ nhận thịt sống.
21. Từ bỏ nhận đàn bà, con gái.
22. Từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai.
23. Từ bỏ nhận súc vật.
24. Từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai.
25. Từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới.
26. Từ bỏ buôn bán.
27. Từ bỏ sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường.
28. Từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bứt đoạn, trộm cắp, cướp phá.

29. Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo.

30. Tránh xa các tà hạnh như bói toán, xem tướng, tiên đoán, mê tín, ảo thuật.

- Nhờ đầy đủ giới luật *nên vị ấy không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật.*

- Nhờ đầy đủ giới luật *nên vị ấy hưởng lạc thọ, nội tâm không vẫn đục.*

#### ***Thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn ?***

- Khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên thì vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Cũng vậy, khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên thì vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân

ấy, hộ trì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn, thực hành sự hộ trì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn.

- Vị ấy nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy *nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vẫn đục.* Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo hộ trì các căn.

#### ***Thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác ?***

- Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác.

- Khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác.

- Khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác.

- Khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác.

- Khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác.

- Khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác.

- Khi đi đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác.

Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

#### ***Thế nào là Tỷ-kheo biết đủ, tri túc ?***

- Vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo y và bình bát. Như vậy gọi là vị Tỷ-kheo biết đủ.

\* \* \*

***Giai đoạn 2: Thanh lọc Tâm (dùng trí tuệ Thiền quán để từ bỏ năm triền cái hay 5 sợi dây si ám ràng buộc tâm)***

Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

1. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.
2. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, với lòng từ mẫn thương xót tất

cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

3. Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên; với tâm tưởng hưởng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm, thụy miên.
4. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc.
5. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

*“Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường sa mạc. Này Đại vương, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này Đại vương, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.”*

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái thì:



- *Hân hoan* sanh.
- Do hân hoan, nên *hỷ* sanh.
- Do tâm hoan hỷ, nên *thân được khinh an*.
- Do thân khinh an, nên *lạc thọ* sanh.
- Do lạc thọ, nên *tâm được định tĩnh*.

\* \* \*

***Giai đoạn 3: Ổn định Tâm (chứng và trú Tứ thiền)***

**1. Chứng và trú Thiền thứ nhất:** Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

**2. Chứng và trú Thiền thứ hai:** Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

**3. Chứng và trú Thiền thứ ba:** Tỷ-kheo ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “Xả niệm lạc trú”, chứng và an trú thiền thứ ba. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướm, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

**4. Chứng và trú Thiền thứ tư:** Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

\* \* \*

#### **Giai đoạn 4: Phân biệt tâm và thân**

- Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

- Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

\* \* \*

#### **Giai đoạn 5: Thực chứng sáu trí tuệ siêu việt của bậc Thánh và giải thoát**

**1. Hướng tâm đến các thần thông:** Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm,

không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già, đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và rời mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

#### **2. Hướng tâm đến Thiên nhĩ thông:**

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh, siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

#### **3. Hướng tâm đến Tha tâm thông:**

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng,

vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không có tham, biết là tâm không có tham.

Tâm có sân, biết là tâm có sân. Tâm không có sân, biết là tâm không có sân.

Tâm có si, biết là tâm có si. Tâm không có si, biết là tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết là không phải đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm thiên định, biết là tâm thiên định. Tâm không thiên định, biết là tâm không thiên định.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

#### ***4. Hướng tâm đến Túc mạng minh:***

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây.” Như vậy Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

### **5. Hướng tâm đến Thiên nhân minh:**

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí huệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Vị ấy biết: “Những chúng sanh nào làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những chúng sanh ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những chúng sanh ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy vị ấy với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu,

người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

**6. Hướng tâm đến Lộ tận trí:** Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lộ tận trí. Vị ấy biết như thật “đây là khổ”, biết như thật “đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật “đây là khổ diệt”, biết như thật “đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật “đây là những lậu hoặc”, biết như thật “đây là nguyên nhân của các lậu hoặc”, biết như thật “đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật “đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: ***Ta đã giải thoát. Vị ấy biết: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.”***

***Phần III: Phụ lục***

***KINH SA-MÔN QUẢ, TRƯỜNG BỘ***

**HT. Thích Minh Châu dịch**

**Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn  
hành, 1991**

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá) nơi vườn xoài của Jivaka (Kỳ-bà) Komàrabhacca, cùng với đại chúng Tỷ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ Ajàtasattu (A-xà-thế) con bà Videhi (Vi-đề-hi), vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) nhân lễ Bố Tát vào ngày rằm tháng tư Komudi (cây sủng) đang ngồi trên lầu cao trang nghiêm, chung quanh có nhiều đại thần hầu hạ. Lúc bấy giờ Ajàtasattu con bà Videhi, vua xứ Magadha, nhân ngày Bố Tát cảm hứng nói rằng: “Thật khả ái thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật diễm lệ thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật mỹ miều thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật êm dịu thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật điềm lành thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Nay chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nhờ sự chiêm bái này tâm chúng ta được tịnh tín?”. Khi nghe nói vậy, một đại thần tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Pùrana Kassapa (Phú-la-Ca-diếp) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng,

khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pùrana Kassapa này. Chiêm bái Pùrana Kassapa có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Makkhali Gosàla (Mặc-già-lê Cù-xá-lợi) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương chiêm bái Makkhali Gosàla này. Chiêm bái vị Makkhali Gosàla có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy. Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Ajita Kesakambàli (A-kỳ-đa Kỳ-xá-khâm-bà-la) là vị hội chủ, vị giáo

trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Ajita Kesakambàli này. Chiêm bái Ajita Kesakambàli có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Pakudha Kaccàyana (Bà-phù-đà Ca-chiên-nê) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pakudha Kaccàyana này. Chiêm bái Pakudha Kaccàyana này có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói vậy. Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Sanjaya Belathiputta (Tán-nhã-di Tỳ-la-phê-phất) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Sanjaya Belathiputta này. Chiêm bái Sanjaya Belathiputta này có thể khiến tâm Đại vương tịnh tín”. Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Nigantha Nàtaputta (Ni-kiền-tử) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Nigantha Nàtaputta này. Chiêm bái Nigantha Nàtaputta có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín”. Khi nghe nói

vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

Lúc bấy giờ Jivaka Komàrabhacca ngồi yên lặng cách Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha không xa bao nhiêu. Khi ấy Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nói với Jivaka Komàrabhacca:

- Nay khanh Jivaka, sao người lại yên lặng như vậy?

- Tâu Đại vương, chính tại vườn xoài này của chúng con, có Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang trú ngụ với đại chúng Tỷ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị. Thế Tôn Gotama có tiếng đồn tốt đẹp sau đây lan rộng: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Đại vương hãy đến chiêm bái Thế Tôn này. Rất có thể, nhờ chiêm bái Thế Tôn, tâm của Đại vương được tịnh tín.

- Vậy khanh Jivaka, hãy cho thẳng kiệu voi.

- Vâng, tâu Đại vương.

Jivaka Komàrabhacca vâng theo lời dạy của Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sai người thặng năm trăm con voi cái, và con vương tượng vua thường cỡi, rồi tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, các kiệu voi đã sẵn sàng. Ngài hãy làm những gì Ngài xem là phải thời”. Khi bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, biểu các cung phi leo lên năm trăm con voi cái mỗi người một con, còn mình thì leo lên vương tượng vua thường cỡi, xuất hành ra khỏi Ràjagaha, dưới ánh sáng của các ngọn đuốc được cầm cao, với oai nghi của bậc đại vương, thẳng tiến đến vườn xoài của Jivaka Komàrabhacca.

Khi Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi đến không xa vườn xoài, ngài bỗng sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên. Lúc bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên, nói với Jivaka Komàrabhacca:

- Nay khanh Jivaka, người phản ta chẳng? Nay khanh Jivaka, người lường gạt ta

chẳng? Nay khanh Jivaka, người nạp ta cho kẻ thù chẳng? Tại sao trong một đại chúng lớn như thế này gần một nghìn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đặng hắng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

- Tâu Đại vương, thần không phản lại Ngài, thần không lường gạt Ngài, tâu Đại vương, thần không nạp Ngài cho kẻ thù, tâu Đại Vương, hãy đi thẳng tới; tâu Đại vương, hãy đi thẳng tới. Tại chỗ kia trong căn nhà tròn chỗ có những ngọn đèn đang thấp sáng.

Lúc bấy giờ, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi cho đến chỗ voi có thể đi được, rồi xuống voi đi đến cửa căn nhà tròn. Khi đến nơi liền nói với Jivaka Komàrabhacca:

- Nay khanh Jivaka, Thế Tôn ở tại đâu?

- Tâu Đại vương, vị ấy là Thế Tôn. Tâu Đại vương, Thế Tôn ngồi dựa vào cột chính giữa, mặt hướng phía Nam, ngồi trước mặt chúng Tỷ-kheo.

Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, liền tiến đến chỗ Thế Tôn. Khi đến rồi, vua đứng một bên. Sau đi đứng một bên,



Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nhìn khắp chúng Tỷ-kheo đang yên lặng an tịnh như một hồ nước trong, cảm hứng nói rằng: “Mong hoàng tử Udàibhadda (Ưu-đà-di-bạt-đà) cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vị Tỷ-kheo này vậy”.

- Đại vương, hình như tâm trí của Đại vương nặng nhiều về tình thương thì phải?

- Bạch Thế Tôn, con thương hoàng tử Udàibhadda rất nhiều. Mong rằng hoàng tử Udàibhadda cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của chúng Tỷ-kheo này vậy.

Lúc bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đánh lễ Thế Tôn, chấp tay vái chào chúng Tỷ-kheo, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề này, nếu Ngài cho phép con hỏi.

- Đại vương cứ hỏi tùy theo ý muốn của Đại vương.

- Cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, đồng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghiệp chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn, Ngài có thể chỉ cho rõ ràng kết quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

- Nay Đại vương, Đại vương có nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác chăng?

- Bạch Ngài, con nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với Sa-môn, Bà-la-môn khác.

- Nay Đại vương, hãy nói lại cho nghe, các vị ấy đã trả lời với Đại vương như thế nào, nếu Đại vương không thấy gì trở ngại.

- Bạch Thế Tôn, con không thấy gì trở ngại đối với đức Thế Tôn và các bậc như đức Thế Tôn.

- Vậy Đại vương hãy nói đi.

- Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pùrana Kassapa, khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pùrana Kassapa và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pùrana Kassapa: “Ngài Kassapa, cũng như các công nghệ, chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, đồng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, chúng

hưởng được kết quả thiết thực, hiện tại công nghệ chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Pùrana Kassapa đã nói với con: “Nay Đại vương, tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt,

thành một chồng chịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo”. Bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pùrana Kassapa đã trả lời với thuyết vô nghiệp. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, Bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pùrana Kassapa đã trả lời với thuyết vô nghiệp. Bạch Thế Tôn, con nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng?” Vì vậy bạch Thế Tôn, con không tán thán, cũng không cật nạn lời nói của Pùrana Kassapa. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận

cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bạch Thế Tôn, một thời con đến Makkhali Gosàla (Mạt-già-lê-cù-xá-lợi). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào tụng thân hữu và xã giao với Makkhali Gosàla và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Makkhali Gosàla: “Ngài Gosàla, cũng như các công kỹ nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Makkhali Gosàla đã nói với con: “Này Đại vương, không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhơn, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhơn, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có tự tác, không có tha tác, không có nhơn tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhơn lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả sanh vật, tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt

dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của chúng. Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp (theo năm căn), lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý) lại có toàn nghiệp (thân và khẩu) và bán nghiệp (ý), có sáu mươi hai đạo, sau mười hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài Naga, hai nghìn căn, ba nghìn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tướng thai, bảy vô tướng thai, bảy tiết thai (sanh từ đốt), bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy pavutas (rừng hay hồ nhỏ) bảy trăm pavutas bảy vực thẳm, bảy trăm papatas (vực thẳm), bảy mộng, bảy trăm mộng, có tám trăm bốn mươi vạn đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người hiền, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín

muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhân thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau”.

Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosàla đã trả lời với thuyết luân hồi tịnh hóa. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosàla đã trả lời với thuyết luân hồi tịnh hóa. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con, lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng? “Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Makkhali Gosàla; không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận

cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bạch Thế Tôn, một thời con đến Ajita Kesakambàli (A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la). Khi đến nơi con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Ajita Kesakambàli, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Ajita Kesakambala: “Ngài Ajita Kesakambàli, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể chỉ cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Ajita Kesakambàli đã nói với con: “Này Đại vương, không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hưởng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới, thủy đại trở về trả lại cho thủy giới, hỏa

đại trở về trả lại cho hỏa giới, phong đại trở về trả lại cho phong giới, các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi đến chỗ hỏa táng, thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi, chỉ có người ngu mới tán dương sự bố thí, lời nói của chúng trống không, giả dối, khi chúng chấp thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết.”

Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambàli đã trả lời với thuyết đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài, hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambàli đã trả lời với thuyết đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng”. Vì vậy bạch Thế Tôn, con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của

Ajita Kesakambàli. Không tán thán, không cất nạt, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pakudha Kaccàyana (Bà-phù-đả-ca-chiên-diên). Khi đến nơi con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pakudha Kaccàyana và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pakudha Kaccàyana: “Ngài Pakudha Kaccayana, cũng như các công nghệ chức nghiệp, như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Pakudha Kaccàyana nói với con: “Này Đại vương, có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lãng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là

mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm lãng, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây không có người giết hại, hoặc có người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi”.

Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccàyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, Bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccayana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn, hay Bà-la-môn ở trong nước

con không được vui lòng”. Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán, không cất nạn, bỏ lời nói của Pakudha Kaccàyana. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi và đứng dậy ra về.

Bạch Thế Tôn, một thời con đến Nigantha Nàtaputta (Ni-kiền-tử). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Nigantha Nàtaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Nigantha Nàtaputta: “Ngài Aggivessana, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư, ... (như trên) ... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn?”

Bạch Thế Tôn, khi được hỏi vậy, Nigantha Nàtaputta nói với con: “Này Đại vương, một người Nigantha (Ni kiền tử) sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, thế nào là một người Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới? Này Đại vương, một Nigantha sống gìn giữ đối với tất cả loại nước, gìn giữ đối với mọi ác pháp, sống tẩy sạch tất

cả ác pháp và sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả ác pháp. Này Đại vương, như vậy một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, vì một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới, nên vị ấy được gọi là Gotatto (một vị đã đi đến đích), Yatatto (một vị đã điều phục tự tâm) và Thitatto (một vị đã an trú được tự tâm)”.

Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi đến kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nàtaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nàtaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn cấm giới. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng”. Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của Nigantha Nàtaputta. Không tán thán không cất nạn, dù không mãn nguyện, cũng không thốt ra

lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bạch Thế Tôn, một hôm con đến Sanjaya Belatthiputta (Tán-nhã-di-Tỳ-la-lê-phát). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào chúc tụng thân hữu và xã giao với Sanjaya Belatthiputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Sanjaya Belatthiputta: “Ngài Sanjaya, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?”

Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với con: “Nếu anh hỏi: “Có một thế giới khác hay không?” Nếu tôi nghĩ “Có một thế giới khác”, tôi có thể trả lời với anh: “Có một thế giới khác”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: “Không có một thế giới khác phải không?” Nếu tôi nghĩ: “Không có một thế giới khác”, tôi có thể trả lời với anh: “Không có một thế

giới khác”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi “Không có một thế giới khác phải không?” (... như trên... ) “Cũng có và cũng không có một thế giới khác?” “Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?”, “Có loại hữu tình hóa sanh?”, “Không có loại hữu tình hóa sanh?” “Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?” “Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?”, “Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và ác?”, “Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?”, “Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?”, “Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?”, “Như Lai có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai không có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?”, “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?”. Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ : “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết”. Tôi



có thể trả lời : “Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết”. Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.”

Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi trái mít lại trả lời trái xoài . Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con, lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng”. Vì vậy, Bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cất nạn lời nói của Sanjaya Belatthiputta. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Vậy nên bạch Thế Tôn, con cũng hỏi Thế Tôn, bạch Thế Tôn, cũng như các công

nghệ chức nghiệp. Như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản, các công nghệ chức nghiệp khác. Chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghệ chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

- Đại vương có thể được. Nay Đại vương, ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

Đại vương nghĩ sao? Nếu Đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại vương). Người ấy nghĩ: “Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức. Đức vua Ajàtasattu, con của bà Videhi của nước Magadha, là người, tôi đây là người. Vị vua Ajàtasattu con bà Videhi của nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thân, còn tôi là người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của vua). Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia, ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo”. Và người nô lệ ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, sống chế ngự lời nói, sống chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại

wương đến tâu với Đại vương: “Đại vương có biết chăng? Có người nô bộc của Đại vương, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại vương). Tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống trong an tịnh”. Nay Đại vương, Đại vương có nói như vậy chăng: “Người ấy hãy lại với ta, hãy làm lại người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái chú ý từng nét mặt?”.

- Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Nay Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu quả như vậy, thì đó có phải chăng là kết quả thiết thực hiện tại hạnh Sa-môn?

- Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

- Nay Đại vương đó là kết quả thiết thực hiện tại thứ nhất của hạnh Sa-môn mà Ta đã trình bày.

- Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác hơn nữa của hạnh Sa-môn?

- Nay Đại vương, có thể được. Nay Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương. Đại vương nghĩ sao? Nếu Đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Người ấy nghĩ: “Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức. Vị vua Ajàtasattu, con của bà Videhi, nước Magadha, là người, tôi cũng là người. Vị vua Ajàtasattu, con bà Videhi, nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần. Còn tôi là người

nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo”. Và người nông phu ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: “Đại vương có biết chăng? Có người nông phu của Đại vương, người gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh”. Nay Đại vương, Đại vương có nói: “Người hãy đến lại với ta, hãy làm lại người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ?”

- Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước

người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh. Và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Nay Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu quả như vậy thời đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

- Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

- Nay Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn mà Ta trình bày.

Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác nữa của hạnh Sa-môn, vi diệu hơn, thù thắng hơn những kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn vừa kể trên?

- Nay Đại vương có thể được. Nay Đại vương, hãy lắng tai nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Vâng, Thế Tôn. Vua Ajàtasattu con bà Videhi, vua xứ Magadha, trả lời Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay Đại vương, nay ở đời, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với thiên giới, ma giới, phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên Nhơn, lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như

vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình”. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, sanh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

Đại Vương! Thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Đại Vương, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho,

tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp, như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm,

tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm. Từ bỏ ăn phi thời. Từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch. Từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Từ bỏ nhận vàng và bạc. Từ bỏ nhận các hạt sống. Từ bỏ nhận thịt sống. Từ bỏ nhận đàn bà con gái. Từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Từ bỏ nhận cừu và dê. Từ bỏ nhận gia cầm và heo. Từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Từ bỏ buôn bán. Từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Từ bỏ làm thương tổn, sát hại

câu thúc, bắt đoạt, trộm cắp, cướp phá. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ nhánh cây sanh, hạt giống từ đốt cây sanh, hạt giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. Còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc kịch, ngâm vịnh, nhịp tay,

tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. Còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn chánh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí. Như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đổ đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiết trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài cả các loại giải trí như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường,

cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm khảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, mền voi, mền ngựa, mền xe, mền bằng da sơn dương khâu lại với nhau, mền bằng da con sơn dương khâu lại gọi là Kadali, tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ. Còn vị ấy thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vòng tay tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gương, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài. Còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như

trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống nói những câu chuyện vô ích tầm thường như câu chuyện nói về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại vương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp như nói: “Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi nói mới thật đúng chánh kiến. Lời tôi nói mới tương ứng, lời nói của người không tương ứng. Những điều đáng nói trước, người lại nói sau. Những điều đáng nói sau, người lại nói trước. Chủ kiến của người đã bị bài bác, câu nói của người đã bị thách đấu. Người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí”. Còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ cho các thanh niên và nói rằng: “Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia”. Còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức và đứng làm



môi giới. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, cầu lợi. Còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muông, dùng miệng phun hạt cải v. v... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tằm, tế gạo, tế thực tô, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rấn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: “Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lùi quân, vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái, vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự bại trận cho phe bên kia”. Còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi có một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: “Sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực, mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động, sẽ có sấm trời, mặt trăng mặt trời các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời các sao mọc lặn sáng mờ sẽ có kết quả như thế này”. Còn vị ấy thì tránh xa, không tự nuôi

sống bằng tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng, như đoán trước: “Sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ bị hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình”. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, đầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rẽ về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rẽ, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến

tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc, mổ xẻ chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Và như vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ

một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Đại vương, như một vị Sát đế ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vẫn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này Đại vương, khi mắc thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thiệt hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiệt hành sự hộ trì ý căn. Vị

ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo hộ trì các căn.

Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Đại vương, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? Ở đây Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Đại vương, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo biết đủ.

Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên; với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm, thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Này Đại vương, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được

nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Này Đại vương, như một người bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này Đại vương, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này Đại vương, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không

được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này Đại vương, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường sa mạc. Này Đại vương,

cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này Đại vương, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ước, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ước, trào trộn với nước ước, thấm ước cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ước, làm cho sung mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh, không

một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ước, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ước, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng

vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “Xả niệm lạc trú”, chứng và an trú thiền thứ ba. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không

một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong

sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nường tựa và bị trói buộc.

Này Đại vương, ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không ố trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi giây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi giây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng

chói, không ố trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi giây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi giây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy. Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy thức ta lại nường tựa và bị trói buộc.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu và thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.



Này Đại vương, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ. Người ấy nghĩ: Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra. Này Đại vương, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này Đại vương, ví như một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo

dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này Đại vương, ví như một người thợ gốm khéo tay, hay đẽu tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như một người thợ ngà khéo tay, hay đẽu tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo dũa có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như người thợ vàng khéo tay hay đẽu tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm cho các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm hướng tâm đến

các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trôi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như còn chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này Đại vương đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

Này Đại vương, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống

nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng. Người ấy nghĩ: “Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng”. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không có tham, biết là tâm không có tham.

Tâm có sân, biết là tâm có sân. Tâm không có sân, biết là tâm không có sân.

Tâm có si, biết là tâm có si. Tâm không có si, biết là tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết là không phải đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm thiền định, biết là tâm thiền định. Tâm không thiền định, biết là tâm không thiền định.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

Này Đại vương, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết

mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không có tham, biết tâm không có tham.

Tâm có sân biết tâm có sân. Tâm không có sân, biết tâm không có sân. .

Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không có si, biết tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải là đại hành tâm, biết là không phải đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm thiên định, biết là tâm thiên định.  
Tâm không thiên định, biết là tâm không thiên định.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát.  
Tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây”. Như vậy Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời

sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Đại vương, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: “Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta”. Như vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra chỗ nọ, tại đây, ta có tên như thế

này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây”. Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí huệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: “Những chúng sanh nào làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm

những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này Đại vương, ví như một tòa lâu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: “Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng”. Cũng vậy, này Đại vương với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh,

siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.

Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: “Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này.” Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật “Đây là khổ”, biết như thật “đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật “đây là khổ diệt”, biết như thật “đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật “đây là những lậu hoặc”, biết như thật “đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật “đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật “đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: Ta đã giải thoát. Vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này Đại vương, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: “Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng,

không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ”. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật “đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật “đây là khổ diệt”, biết như thật “đây là con đường đưa đến khổ diệt”, biết như thật “đây là những lậu hoặc”, biết như thật “đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật “đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật “đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của

hạnh Sa-môn trước. Này Đại vương, không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn này.

Được nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn: “Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, để đoạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn về tương lai”.

- Đại vương, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, Đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh,

để đoạt vương quyền. Vì Đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với Chánh pháp, Ta nhận tội ấy cho Đại vương. Đó là một sự tiến bộ, này Đại vương, trong luật pháp của bậc Thánh, những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với Chánh pháp, và ngăn chặn ở tương lai.

Được nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bốn phận, nhiều việc phải làm”.

- Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ ra là phải thời.

Lúc bấy giờ, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

Lúc bấy giờ, khi Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi chưa bao lâu, Thế Tôn liền bảo các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất ăn năn, này các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất hối lỗi. Nếu vua ấy không hại mạng vua cha, một vị vua rất chân chánh, thì tại ngay chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được pháp nhãn, không trần cấu, không ô uế.

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

\*

\* \*



*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

*Biên tập:*

*Sửa bản in:*

*Bìa:*

Họa sĩ BỬU HOÀNG

\*

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

---

In 1.000 bản, khổ 13x19 cm. In tại Xí nghiệp in Fahasa, số 25/26 đường Trường Chinh, Quận Tân Bình, Tp.HCM. Giấy phép số:... /XB-QLXB ngày... In xong nộp lưu chiểu Quý..., 2007.

***TIẾN TRÌNH GIẢI THOÁT***  
***(TÓM TẮT KINH SA-MÔN QUẢ)***  
TÂM MINH ANH – CHƠN THƯỜNG TRI

\*